

Buôn Hồ, ngày 30 tháng 10 năm 2025

CÔNG KHAI

**Trong hoạt động của trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm, Phường Buôn Hồ -
tỉnh Đắk Lắk, thời điểm, tháng 10/2025**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, về việc Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số: 36/QĐ-LTHG ngày 27/10/2025 của trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm về việc ban hành Quy chế công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

NỘI DUNG CÔNG KHAI

Mục 1:

CÔNG KHAI CHUNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

Điều 4. Thông tin chung về cơ sở giáo dục (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG TIỂU HỌC LÊ THỊ HỒNG GĂM

2. Địa chỉ trụ sở chính: số 38, Đường Lương Thế Vinh – TDP Đát Hiếu 5 – Phường Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk.

- Điện thoại: 0944910330

- Địa chỉ cổng thông tin điện tử: lethihonggam.buonho.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND Phường Buôn Hồ

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường được xác định tại kế hoạch số 23/KH-LTHG ngày 10/04/2026 kế hoạch chiến lược phát triển của trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm giao đoạn 2025-2031 tầm nhìn đến năm 2035 và được điều chỉnh, bổ sung vào từng năm học. (Bổ sung)Cụ thể:

4.1. Về sứ mạng: Xây dựng môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của bản thân, biết ứng xử văn hóa, giao tiếp văn minh lịch sự và thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

4.2. Tầm nhìn: Xây dựng nhà trường có uy tín, chất lượng; là trung tâm văn hóa giáo dục cấp tiểu học của địa phương; Là nơi cha mẹ học sinh luôn tin tưởng lựa chọn để con em mình học tập, rèn luyện; Là nơi đào tạo học sinh thành những

con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hòa nhập tốt trong cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên phát huy truyền thống hiếu học; Là nơi giáo viên luôn năng động sáng tạo và vươn tới thành công với khát vọng được cống hiến.

4.3. Mục tiêu: Giúp HS hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để góp phần hình thành nhân cách cho các em.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

- Trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm được tách ra từ trường cấp 1,2 Đạt Hiếu từ năm 1991 (Gọi là trường phổ thông cơ sở Đạt Hiếu). Và năm 1998 được đổi tên là trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm. (Đến năm học 2008-2009 từ trường được tách thêm một trường tiểu học mới: trường tiểu học Y Ngông) theo Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2009 của UBND lâm thời của thị xã Buôn Hồ.

Diện tích khuôn viên nhà trường đảm bảo theo quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế ban hành theo Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Nhà trường có tổng diện tích khuôn viên rộng 6274,1m² có kết cấu xây dựng 1 trệt 1 lầu và 2 dãy nhà cấp 4, bình quân 15 m²/1 học sinh. Trường có 16 phòng học phục vụ cho 15 lớp, đảm bảo có đủ 1 phòng/1 lớp. Diện tích mỗi phòng 48 m², trung bình 1.46m²/1 học sinh, được xây dựng đúng quy cách, có đủ ánh sáng, 01 phòng chức năng và đầy đủ các phòng phục vụ cho công tác hành chính văn phòng có nhà ăn phục vụ công tác bán trú.

Trường đóng trên địa bàn phường Buôn Hồ. Cách trung tâm Phường Buôn Hồ chừng 2 Km, cách quốc lộ 14 khoảng 400m.

Trường đóng trên địa bàn có vị trí thuận lợi trong việc phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng, tổng diện tích tự nhiên là 1 153 ha, dân số toàn phường có 1724 hộ với 8 124 khẩu. Gồm 10 tổ dân phố, 1 buôn. Trong đó dân tộc thiểu số có 216 hộ bằng 1054 khẩu, chiếm 15%; có 7 dân tộc cùng chung sống. Tôn giáo có 3937 người theo đạo chiếm tỷ lệ 56 % dân số phường. Có 4 tôn giáo và ĐÊ, 3 điểm sinh hoạt: chùa Đạt Hiếu, chi hội điểm nhóm tin lành buôn EaĐê, giáo họ Đạt Hiếu. Trong đó: công giáo 471 người chiếm 6,6%, phật giáo 3343 người chiếm 47 %, Tin Lành 116 người chiếm 1,6 %, Cao Đài 7 người chiếm 0,09 %.

Trường Tiểu học Lê Thị Hồng Gấm luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc của Ủy ban nhân dân Phường Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk, và các cấp ủy Đảng, chính quyền.

Tình hình an ninh chính trị xã hội của địa phương tương đối ổn định. Đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội đang từng bước được phát triển. Đảng bộ chính quyền và nhân dân trong phường thường xuyên quan tâm chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

Địa phương đã được công nhận là phường đạt chuẩn Phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 vào tháng 01 năm 2018 và từ năm 2018 đến năm 2023 duy trì phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. Quy mô, chất lượng, hiệu quả giáo dục ổn định và đang trên đà phát triển ở tất cả các cấp học.

Tháng 7 năm 2025, Quyết định số 1326 /QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND phường Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk về việc chuyển giao giữ nguyên hiện trạng về cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc UBND thị xã Buôn Hồ về UBND cấp xã, phường quản lý.

6. Thông tin người đại diện pháp: Nguyễn Thị Hạnh

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Số điện thoại: 0944910330
- Địa chỉ thư điện tử: hanhhonggam13@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Số 1326 /QĐ-UBND ngày 18/6/2025 của UBND thị phường Buôn Hồ - tỉnh Đắk Lắk.

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Hạnh - Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND phường Buôn Hồ về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng trường TH Lê Thị Hồng Gấm.

- Phó Hiệu trưởng: Võ Thị Ánh Nga - Quyết định số 696 /QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND phường Buôn Hồ về việc bổ nhiệm phó Hiệu trưởng trường TH Lê Thị Hồng Gấm.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục (văn bản kèm theo); chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

*** Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:** Điều 3, Điều lệ trường tiểu học:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

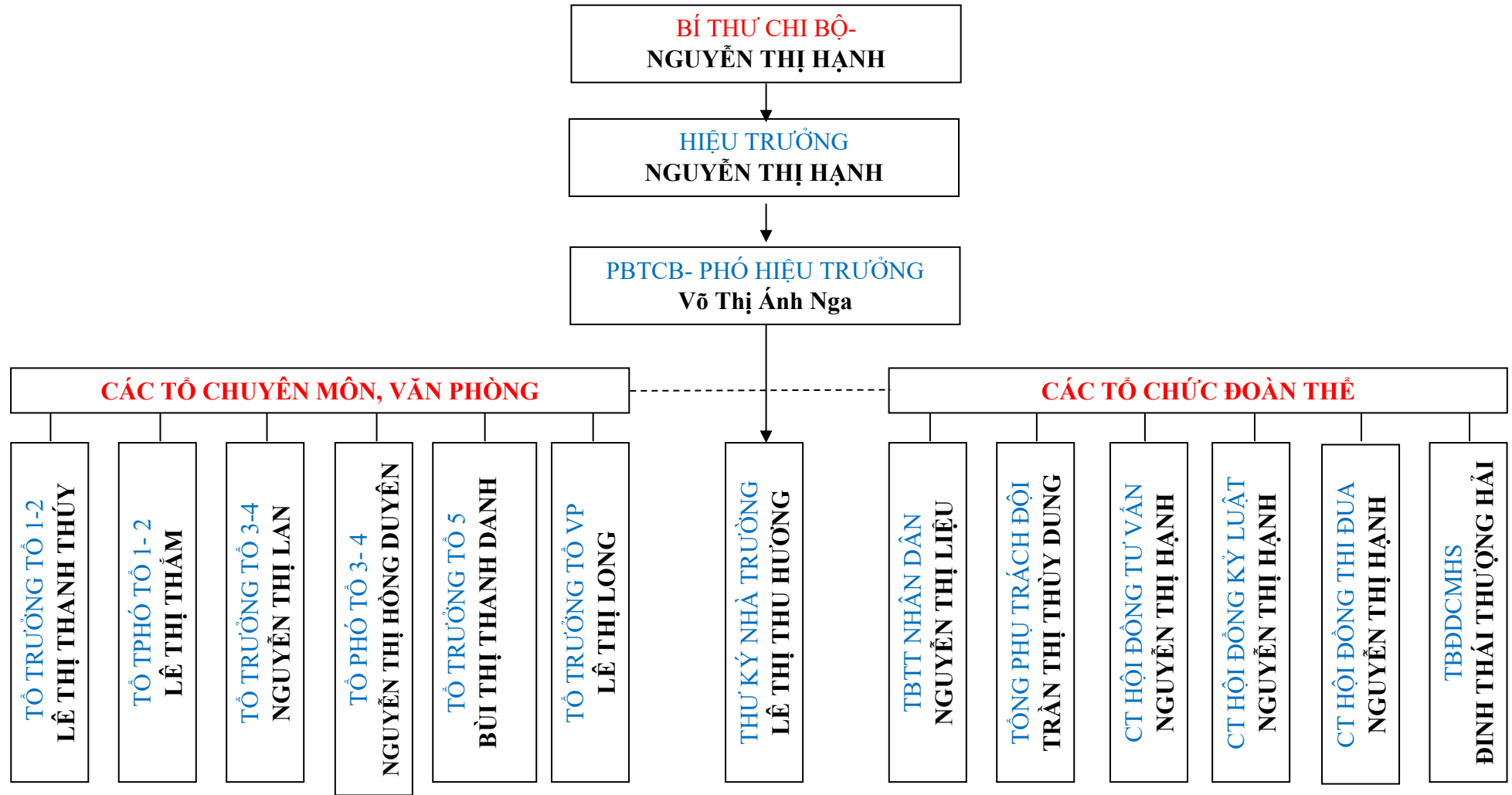
- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.
 - Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.
 - Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.
 - Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.
 - Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.
- * Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường**

**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2025-2026**



Ghi chú: -----: Phối hợp; —>: chỉ đạo

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số ĐT	Gmail
1	Nguyễn Thị Hạnh	Hiệu trưởng	0944910330	hanhhonggam13@gmail.com
2	Võ Thị Ánh Nga	P. Hiệu trưởng	0911317377	voanhngalthg@gmail.com
3	Lương Thị Tuyết	Giáo viên	0912025994	luongtuyetgv@gmail.com
4	Nguyễn Thị Huyền	Giáo viên	0386997245	nguyenhuyen59leloi@gmail.com
5	Lê Thị Thu Hương	Giáo viên	0979405943	lethithuhuong943@gmail.com
6	Nguyễn Thị Liễu	Giáo viên	0379512311	nguyenthiliou30972@gmail.com
7	Nguyễn Đình Chung	Giáo viên	0946674747	nguyendinhchung0802@gmail.com
8	Bùi Thị Thanh Danh	Giáo viên	0918912404	buidanh76@gmail.com
9	Phan Văn Uyên	Giáo viên	0944363508	phanvanuyen70@gmail.com
10	Hoàng Thị Nam Phi	Giáo viên	0947114579	namphihoang@gmail.com
11	Đậu Tuấn Hòa	Giáo viên	09481456309	đautuanhoalthg76@gmail.com
12	Nguyễn Thị Thọ	Giáo viên	00889501105	nguyenthithohonggam@gmail.com
13	Nguyễn Thị Lan	Giáo viên	0935612776	lanhonggam2012@gmail.com
14	Lê Thị Miên	Giáo viên	09646782069	lethimien033@gmail.com
15	Trần Thị Thùy Dung	Giáo viên	0916902103	dungthuytran1981@gmail.com
16	Nguyễn Thị Hường	Giáo viên	0974882916	nguyenhuongtm2013@gmail.com
17	Trần Thị Thúy Hằng	Giáo viên	0975131039	tranthithuyhang19@gmail.com
18	Nguyễn Thị Bích Hoài	Giáo viên	09880737680	bichhoai5779@gmail.com
19	H Quý Kriêng	Giáo viên	0984090779	quykrieng@gmail.com
20	Lê Thị Thanh Thúy	Giáo viên	0949931343	thanhthuy.dk1990@gmail.com
21	Lê Thị Thắm	Giáo viên	0365210696	thamle9221@gmail.com
22	Hoàng Lê Vi	Giáo viên	0946737320	hoangvi277@gmail.com
23	Huỳnh Thị Khánh Vi	Giáo viên	0945294243	khanhvi22101989@gmail.com
24	Đào Minh Hoàng	Giáo viên	0936750757	hoinguyen12091995@gmail.com
25	Le Thi Thu Huong	Giáo viên	0978862021	lethithuhuong2021@gmail.com
26	Lê Thị Long	Thư viện	0978196453	lelong3051982@gmail.com
27	Lê Thị Phúc	Kế Toán	0949731155	lephuckt2010@gmail.com
28	Văn Thị Thanh Nhân	Văn thư-TQ	0935089680	thanhnhanbh1988@gmail.com
29	Lương Văn Tiến	Bảo Vệ	0974141785	
30	Dương Thị Tuyết	Giáo viên	0941098038	Duongtuyet@1997@mail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (có văn bản kèm theo).

Điều 5. Thu, chi tài chính (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Điều 5. Thu, chi tài chính (Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Báo cáo tình hình tài chính năm 2025

ĐV tính: đồng

a) Dự toán năm 2025

Dự toán năm 2025		
1. Nguồn kinh phí tự chủ	Nguồn kinh phí giao tự chủ	7.564.595.000
2. Nguồn kinh phí không tự chủ	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất	50.000.000
	Kinh phí chi khen thưởng theo Nghị định 73	327.000.000
Tổng cộng		7.941.595.000

b) Quyết toán năm 2024

Quyết toán năm 2024		
1. Nguồn kinh phí tự chủ	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	5.919.248.483
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng.	471.463.917
	Chi khác	195.207.600
Cộng nguồn kinh phí tự chủ		6.585.920.000
2. Nguồn kinh phí không tự chủ	Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên(Tiền khen thưởng)	159.999.990
	Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng.	183.500.000
	Chi phí khác	3.000.000
Cộng nguồn kinh phí không tự chủ		346.499.990
Tổng kinh phí quyết toán năm 2025		6.932.419.990

(Bảng chữ: Sáu tỷ chín trăm ba mươi hai triệu bốn trăm mười chín ngàn chín trăm chín mươi đồng)

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học năm học 2025-2026

Stt	Tên khoản đóng góp	Số tiền/ học sinh/ năm (đơn vị tính: đồng)					Ghi chú
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5	
I	Các khoản thu hộ trong nhà trường						
1	Bảo hiểm y tế	568.620	568.620	568.620	568.620	568.620	12 tháng
2	Các khoản thu của các tổ chức hội, đoàn thể trong nhà trường						
2.1	Quỹ đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh			9.000	18.000	18.000	
2.2	Thu số liên lạc điện tử	50.000	50.000	50.000	50.000	50.000	
II	Các khoản thu tự nguyện phục vụ trực tiếp cho học sinh						
1	Bảo hiểm thân thể học sinh	100.000	100.000	100.000	100.000	100.000	Tự nguyện
2	Thu tiền nước uống	30.000	30.000	30.000	30.000	30.000	
3	Thu tiền dọn nhà vệ sinh học sinh	120.000	120.000	120.000	120.000	120.000	
4	Tiền dạy học kỹ năng sống	10.000 đ/tiết	10.000 đ/tiết	10.000 đ/tiết	10.000 đ/tiết	10.000 đ/tiết	4 tiết/ tuần (theo nhu cầu học sinh)
5	Thu tiền dạy học ngoại ngữ, tin học đối với học sinh khối lớp 1, 2	6.000 đ/tiết	6.000 đ/tiết				9 tháng
6	Thu tiền dạy học Toán tiếng anh lớp 1	17.500 đ/ tiết					Thu 8 tiết/ tháng/ học sinh
III	Đối với các khoản vận động tài trợ						

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học (năm học 2025-2025): Học sinh nghèo: cấp cho 2 lượt học sinh với số tổng số tiền là 9.450.000 đồng (hỗ trợ chi phí học tập).

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

Mục 3**CÔNG KHAI ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG****Điều 8. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông**

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên năm học 2025-2026:

Stt	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp Năm học 2024-2025 (GV+CBQL)				Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	0	0	28	1	0	1		26		1	
I	Giáo viên	24		0	24	0	0			24		1	
	Trong đó số GV chuyên biệt:												
1	GV cơ bản	18	0	0	18		0			18			
2	Tiếng dân tộc												
3	Ngoại ngữ	01			01					1			
4	Tin học	01			01					1			
5	Âm nhạc	01			01					1			
6	Mỹ thuật	01			01					1			
7	Thể dục	01			01					1			
8	GV TPT đội	01			01					1			
II	Cán bộ quản lý	02			02					2			
1	Hiệu trưởng	01			01				1				
2	Phó hiệu trưởng	01			01				1				
III	Nhân viên												
1	Nhân viên văn thư	01			01								
2	Nhân viên kế toán	01			01								
3	Thủ quỹ												
4	Nhân viên y tế												
5	Nhân viên thư viện	01			01								
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm												
7	Nhân viên công nghệ thông tin												
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật												
9	Nhân viên bảo vệ	01						01					

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân	Ghi chú
I	Số phòng học/ số lớp	21/15	18,9m ² / học sinh	
II	Loại phòng học		-	
1	Phòng học kiên cố	21	18,9m ² / học sinh -	
2	Phòng học bán kiên cố			
3	Phòng học tạm		-	
4	Phòng học nhờ, mượn		-	
III	Số điểm trường lẻ	-	-	
IV	Tổng diện tích đất (m²)	6758,6.m2	18	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2.000	3,3	
VI	Tổng diện tích các phòng	1.660		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.104	1,5	
2	Diện tích thư viện (m ²)	50		
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	256		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	50		
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	50		
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	50		
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	50		
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)			
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	50		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp	
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định (bộ)	15		
1.1	Khối lớp 1	03	03/03	
1.2	Khối lớp 2	03	03/03	
1.3	Khối lớp 3	03	03/03	
1.4	Khối lớp 4	03	03/03	
1.5	Khối lớp 5	03	03/03	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định (bộ)	0		
2.1	Khối lớp 1 (bộ)	0		
2.2	Khối lớp 2 (bộ)	0		
2.3	Khối lớp 3 (bộ)	0		
2.4	Khối lớp 4 (bộ)	0		
2.5	Khối lớp 5 (bộ)	0		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	15		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			
1	Ti vi	21		

2	Cát xét			
3	Đầu Video/ đầu đĩa			
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	0		
5	Đàn Organ	01		
6	Thiết bị khác...			

- Khác

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

- Khác

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

- Khác

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1		48
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Lớp 1:

TT	Tên sách/ Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1 (KNTT)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bảng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1 (KNTT)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Mỹ Thuật 1 (CTST bản 1)	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yến Như.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	HĐTN 1 (KNTT)	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

5	Đạo Đức 1 (KNTT)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	TNXH 1 (KNTT)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	GDTC 1 (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm Nhạc 1 (KNTT)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Anh Văn 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

- Lớp 2:

TT	Tên sách/ Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2 (KNTT)	Bùi Mạnh Hùng - Tổng Chủ biên; Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương - Đồng CB	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2 (KNTT)	Hà Huy Khoái - Tổng Chủ biên Lê Anh Vinh - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Mỹ Thuật (CTST-B1)	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung - đồng Tổng Chủ biên; Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
4	HĐTN 2 (KNTT)	Lưu Thị Thủy, Bùi Sỹ Tụng - đồng Tổng Chủ biên; Nguyễn Thụy Anh - Nguyễn Thanh Bình - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo Đức 2 (KNTT)	Nguyễn Thị Toan - Tổng Chủ biên Trần Thành Nam - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
6	TNXH 2 (KNTT)	Vũ Văn Hùng - Tổng Chủ biên Nguyễn Thị Thán - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
7	GDTC 2 (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn - Tổng Chủ biên; Lê Anh Thơ - Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Âm Nhạc 2 (KNTT)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính - đồng Tổng chủ biên, kiêm Chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Anh Văn 2	Hoàng Văn Vân- Tổng chủ biên	NXB Giáo dục Việt Nam

- Lớp 3:

TT	Tên sách/ Bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3 (KNTT)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phượng.	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3 (KNTT)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục Việt Nam

3	Mỹ Thuật 3 (CTST-B1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	HĐTN 3 (KNTT)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung. Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	TNXH 3 (KNTT)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	NXB Giáo dục Việt Nam
7	GDTC 3 (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Âm Nhạc 3 (KNTT)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	NXB Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 3 (I-Learn Smart-Start) - KNTT	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thị Uyên Sa.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 3 (KNTT)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 3 (KNTT)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	

- Lớp 4:

Stt	Tên sách/ bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản (Tổ chức, cá nhân)
1	Toán 4 (KNTT)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung. Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Lịch sử - Địa lí (KNTT)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

		Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	
4	Khoa học 4 (KNTT)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Tin học 4 (KNTT)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bách Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ (KNTT)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục thể chất (KNTT)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Âm nhạc (KNTT)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Mĩ thuật (CTST-Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Hoạt động trải nghiệm 4 (KNTT)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh 3 (I-Learn Smart-Start) - KNTT	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thị Uyên Sa.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Việt 4 (KNTT)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phương, Đặng Thị Hảo Tâm	

- Lớp 5:

TT	Môn học/ tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phương	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hòa Tâm.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam

2	Toán 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống) Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung. Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Địa lý và lịch sử (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
5	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
6	Tin học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
7	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
9	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 5 (Chân trời sáng tạo - Bản 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
11	Hoạt động trải nghiệm (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh 3 (I-Learn Smart-Start) - KNTT	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thị Uyên Sa.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Tiêu chí 5.5	×	×	×	×	×	×	×	×	×
--------------	---	---	---	---	---	---	---	---	---

+ Đối với các tiêu chí mức 4

- Tiêu chí 1: Đạt
- Tiêu chí 2: Đạt
- Tiêu chí 3: Đạt
- Tiêu chí 4: Đạt
- Tiêu chí 5: Đạt
- Tiêu chí 6: Đạt
- Tiêu chí 7: Đạt

* Kết luận tự đánh giá: Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia Mức độ 1.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Quyết định số 1065/QĐ-SGDĐT ngày 28/12/2018 của sở giáo dục và đào tạo tỉnh Đắk Lắk về việc công nhận trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm, thị xã Buôn Hồ đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3;

- Quyết định số 2911/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc cấp bằng công nhận trường tiểu học Lê Thị Hồng Gấm, thị xã Buôn Hồ đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

Điều 9. Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan; (văn bản kèm theo)

b) Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục; (có KH kèm theo năm học 2025-2026).

c) Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh; (Có QC kèm theo năm học 2025-2026)

d) Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục; (văn bản kèm theo)

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh (nếu có): Có.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Kết quả tuyển sinh năm học 2025-2026:
- + Chỉ tiêu giao: 70 học sinh
- + Đã tuyển: 80 HS
- + Thừa so với chỉ tiêu giao: 10.
- + Lý do tuyển thừa: học sinh tuyển sinh trái tuyển.
- Tổng số học sinh chia theo từng khối:
- + Khối lớp 1: 80; bình quân học sinh/ lớp: 27;
- + Khối lớp 2: 88; bình quân học sinh/ lớp: 29;
- + Khối lớp 3: 98; bình quân học sinh/ lớp: 33;
- + Khối lớp 4: 96; bình quân học sinh/ lớp: 32;
- + Khối lớp 5: 92; bình quân học sinh/ lớp: 31.
- Tổng số học sinh học 2 buổi/ ngày: 456/ 456; tỷ lệ: 100%.
- Tổng số học sinh: 456. Trong đó:
- + Số học sinh nữ: 209; tỷ lệ: 45,8%;
- + Số học sinh nam: 247; tỷ lệ: 54,2%;
- + Số học sinh dân tộc thiểu số: 4;
- + Số học sinh khuyết tật: 1.
- Số học sinh chuyển trường: 09 em; Số học sinh chuyển đến: 17 em

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp (văn bản kèm theo).

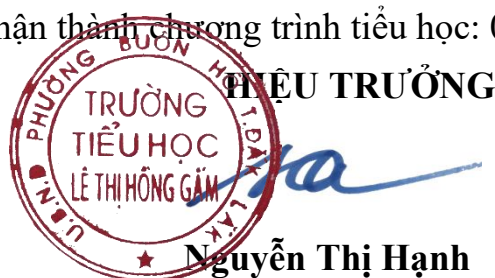
- Đăng ký Số học sinh hoàn thành Chương trình lớp học: 454/456, tỷ lệ: 99,6%;
- Đăng ký Số học sinh không hoàn thành Chương trình lớp học (đợt 1): 02/456, tỷ lệ: 0,4%.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Đăng Ký Số học sinh được công nhận thành Chương trình tiểu học: 92/92; tỷ lệ: 100%
- Số học sinh chưa được công nhận thành chương trình tiểu học: 0/92;

Nơi nhận:

- Phòng VH-VH Phường Buon Hồ;
- Bảng niêm yết công khai;
- Lưu: website, VT.



Nguyễn Thị Hạnh

